

Phụ lục: Phạm vi công việc gói thầu mua sắm vật tư tiêu hao, vật tư thay thế hệ thống hóa nghiệm và khí phòng mìn, thông thổi, hiệu chuẩn phục vụ sản xuất - NMNĐ Thái Bình 2 (Đính kèm theo Công văn số 506 /NMĐTB2-TM, ngày 27 tháng 3 năm 2026)								
STT	Tên vật tư	Ký mã hiệu	Nhà sản xuất, xuất xứ	Thông số kỹ thuật	Mã chuẩn hóa	Đơn vị tính	Khối lượng đề xuất mua 2026	Ghi chú
1	Hạt nhựa Mixbed trao đổi ion	Mã đặt hàng: Trilite MMN312	Samyang/ Hàn Quốc	Model: TRILITE MMN312 - Mixed Ratio : 1:1 (by equivalents) Cation : Anion; - Whole Beand (%) : 99.5 Min; - Whole Uncracked Beand (%) : 99 Min; - Particle Size ≤ 0.3 and ≥ 1.2 (mm): 0.0 Max; - Uniformity Coefficient : ≤ 1.1 ; - Matrix : Polystyrene + DVB (Styrene Divinyl Benzene); Strongly Acidic Cation : - Ionic Form : H+ Sulfonic Acid; - Total Capacity(eq/l) : ≥ 2.0 ; - Moisture Retention(%) : 45-51; - Particle Size(mm) : 0.66 ± 0.05 ; - Ionic Conversion : H+ : 99.9 Min; - Metal Trace (ppm/dry resin) : Al ≤ 10 , Ca ≤ 25 , Cu ≤ 5 , Fe ≤ 50 , Mg ≤ 50 , Pb ≤ 5 , Na ≤ 50 , K ≤ 40 , Co ≤ 5 , Hg ≤ 20 ; Strongly Basic Anion : - Ionic Form : OH- Quaternary Ammonium; - Total Capacity(eq/l) : ≥ 1.25 ; - Moisture Retention(%) : 42-49; - Particle Size(mm) : 0.63 ± 0.05 ; - Ionic Conversion : OH- : 97.0 Min; CO ₃ : 5.0 Max; SO ₄ : 0.1 Max; Cl- : 0.1 Max; - Metal Trace (ppm/dry resin) : Al ≤ 10 , Ca ≤ 50 , Cu ≤ 5 , Fe ≤ 20 , Mg ≤ 50 , Pb ≤ 5 , Na ≤ 20 , K ≤ 40 , Co ≤ 5 , Hg ≤ 15 .	17135006	Lit	900	
2	Hạt hấp thụ khí CO2 Soda Lime CA(OH)2	Mã đặt hàng: SODASORB 4-8 IND HP		(SODASORB® 4-8 IND HP) High performance; Plastic Pail; Type: High moisture (14-19%); Mesh size: 4-8 tyler; Volume: 5 gallon; Net weight: 37 lbs.	17128003	Kg	1.000	
3	Than hoạt tính	Than hoạt tính	Việt Nam	Kích thước yêu cầu: size 8 – 30 mesh (0,50mm – 2,38mm);	17187063	Kg	7.000	
4	Than Anthracite	Than Anthracite	Việt Nam	Kích thước hạt yêu cầu: 1.0 - 2.0 mm; Hệ số đồng nhất: ≤ 1.5 .	17187064	Kg	2.000	
5	Sợi cotton dẫn cháy phân tích nhiệt trị than	Mã đặt hàng: C 710.4	IKA/ Đức	Mã đặt hàng: C 710.4; túi 500 sợi. Sợi cotton dẫn cháy phân tích nhiệt trị than.	16300004	Túi	12	
6	Cốc đựng mẫu VA - C5	Mã đặt hàng: C 5	IKA/ Đức	Mã đặt hàng: C 5; Cốc đựng mẫu VA (VA combustion crucible set, 25 pieces) cho máy phân tích nhiệt lượng C200 IKA.	16300005	Túi	1	



7	Thuyền sứ tái sử dụng	Mã đặt hàng: C4136	Elemental Micro/ Anh	Mã đặt hàng: C4136; Ceramic Boats Unglazed (L=57, W=22, H=14mm) - Thuyền sứ sử dụng cho máy Cacbon - Lưu huỳnh CS580; loại tái sử dụng, hộp 500 cái.	16300006	Hộp	3	
8	Thuyền sứ sử dụng một lần	Mã đặt hàng: C4141	Elemental Micro/ Anh	Mã đặt hàng: C4141; Ceramic Combustion Boat - Thuyền sứ sử dụng cho máy Cacbon - Lưu huỳnh CS580; loại sử dụng một lần, hộp 1000 cái.	16300007	Hộp/1000 cái	4	
9	Cartridge lọc bụi CS580	Mã đặt hàng: 11170	ELTRA/ Đức	Mã đặt hàng: 11170; Cartridge lọc bụi - Dust filter cartridge; Sử dụng cho máy Cacbon - Lưu huỳnh CS580.	16300008	Cái	4	
10	Tỷ trọng kế	Mã đặt hàng: H801058	Amarell/ Đức	Tỷ trọng kế 1.000-1.100, chia vạch 0.001g/cm ³ ; Mã đặt hàng: H801058.	16300029	Cái	1	
11	Ring sieves (sàng vòng)	Mã đặt hàng: 03.647.0246	Retsch/ Đức	Mã đặt hàng: 03.647.0246; Ring sieves (sàng vòng) size 0,20mm; sử dụng cho máy Ultra Centrifugal Mill ZM 200 ; Sàng vòng, thép không gỉ, có vành gia cố, được khuyến dùng cho các vật liệu cứng.	16300026	Cái	1	
12	Túi Zip chỉ đỏ đựng mẫu	Túi Zip chỉ đỏ	Việt Nam	Size 40x60cm; Túi zipper chỉ đỏ là Túi có khóa bấm miệng, vuốt mép, kích thước: 40 x 60 x 0.04cm.	17137006	Kg	20	
13	Tấm lọc dầu	Tấm lọc dầu	Trung Quốc	Lọc dầu, vớt dầu trong nước thải; Kích thước: cắt nhỏ 50x50mm; Độ dày: 3-5mm; vật liệu: Polypropylene (PP)	18138009	Kg	20	
14	Dây xích trắng chịu lực 1 tấn	Dây xích inox	Việt Nam	Đường kính dây: M10 (phi 10mm) theo tiêu chuẩn DIN 5685; Vật liệu : Inox; Tải trọng: 1000kg; - Đường kính thân của mắt dây xích: d = 10mm; - Bề rộng phía trong dây xích: b = 20 mm; - Khoảng cách hai mắt dây xích: t = 40 mm; Quy cách: sợi 8m; 1 đầu có móc kéo.	55025015	Bộ	8	
15	Gioăng chì van Clo	Gioăng chì van Clo	Việt Nam	Gioăng chì van Clo: Chất liệu oxit chì; Đường kính ngoài 23 mm; Đường kính trong 14 mm; Độ dày 2mm.	58560081	Cái	600	
16	Total Flow Indicator (250-2500 cc/min)	Mã đặt hàng: HP-M-01	Sentec/ Hàn Quốc	250-2500 cc/min; Mã đặt hàng: HP-M-01	87560001	Cái	5	
17	Total Flow Indicator (30-300 cc/min)	Mã đặt hàng: HP-S-01	Sentec/ Hàn Quốc	30-300 cc/min; Mã đặt hàng: HP-S-01	87560002	Cái	5	
18	Túi nilon đen đựng rác	Túi nilong đen	Việt Nam	Túi nilon đen đựng rác loại 15kg; Kích thước: 44*70 cm, gấp hông 2 bên, mỗi hông +15cm, phần quai túi 17cm; Chiều mở miệng: 44 cm; Độ dày của túi: 0.05mm/lá; Số lượng: 32 cái /kg.	84070004	Kg	15	
19	Chổi rửa bình tam giác	Chổi rửa bình	Việt Nam	Chổi rửa bình tam giác, loại lớn. Thành phần: Cước mềm;	84070005	Cái	10	

20	Giấy mềm vệ sinh Pulppy	Mã sản phẩm: 805802-80074	Pulppy/ Việt Nam	Loại: 180 tờ/hộp; 5 hộp/dây, 10 dây/thùng. Mã sản phẩm: 805802-80074	84071001	Thùng	12	
21	Giấy vệ sinh Elene 3 lớp không lõi	Giấy vệ sinh Elene 3 lớp không lõi	Elene/ Việt Nam	Giấy vệ sinh Elene 3 lớp không lõi, lõi/10 cuộn.	84071002	Lốc	50	
22	Găng tay chống hóa chất	Mã đặt hàng: NF1513	Nastah/ Malaysia	Mã đặt hàng: NF1513; Găng tay chống hóa chất- Model: NF1513; Được làm từ cao su tự nhiên, độ dày 0,38mm, chiều dài 330mm.	89040032	Đôi	120	
23	Mặt nạ phòng độc	Mã đặt hàng: SG9012	DOBU/ Hàn Quốc	Mã đặt hàng: SG9012; Mặt nạ phòng độc Hàn Quốc SG 9012; Quy cách: 1 mặt nạ SG9012 và 1 phin lọc.	89040034	Cái	11	
24	Khẩu Trang lọc bụi	Mã đặt hàng: 8822 P2	3M/ Hàn Quốc	Khẩu Trang lọc bụi 3M 8822, P2 Mã đặt hàng: 3M 8822 Màu sắc: Trắng, 10 cái/ hộp; Kích thước: 3.4×4.2 Inch.	89070001	Hộp	11	
25	Găng tay sử dụng một lần phòng thí nghiệm; Nitrile Ansell 92-670	Ansell 92-670	Ansell/ Thái Lan	- Ansell 92-670 GTCHC-18496 - Găng 100% Nitrile không bột, dài 240mm, dày 0.12 mm. - Loại sử dụng 1 lần. - Chống đâm thủng gấp 3 lần so với Latex hay Vinyl. - Đầu ngón tay có vân tăng độ bám - Phần cuộn ở cổ tay đảm bảo sự vừa vặn. - Chống đâm thủng gấp 3 lần so với găng Latex hay PVC dùng 1 lần. - Size: 6-10 - Đóng gói: 100 chiếc/ hộp	89040044	hộp	81	
26	Dung dịch màu (xanh lục) sử dụng cho áp kế	Mã đặt hàng: A-126	Dwyer/ Mỹ	Dwyer® fluorescein green color concentrate, A-126, 1 qt Bottle	17187104	chai	1	
27	Bình khí Oxy 99.99%	Bình khí Oxy 99.99%	Venmer/ Việt Nam	Khí O2 chất lượng 99.999%, áp suất 150 bar, bình 40 lít thép, van QF2C, mua khí không mua vỏ.	16176023	Bình	40	
28	Bình khí N2 99.99% cho máy đo nhiệt độ	Bình khí N2 99.99%	Venmer/ Việt Nam	Khí N2 chất lượng 99.999%, áp suất 150 bar, bình 40 lít thép, van QF2C, cả vỏ.	16176060	Bình	6	
29	Khí hỗn hợp	Khí hỗn hợp	Venmer/ Việt Nam	Mixture of Gases: -SOx: 200 ppm (+/-1%); - Nitric Oxide 560ppm (+/-2%); - Carbon monoxide 920 ppm (+/-0.5%); - Nitrogen Container type: X47A-47L aluminum cylinder Net weight: 8 kg Cung cấp bao gồm vỏ bình	16176015	Bình	2	
30	Khí CO cho hiệu chuẩn span	Khí CO cho hiệu chuẩn span	Venmer/ Việt Nam	Khí hỗn hợp 800 ppm CO + N2 balance, áp suất 150 bar, dung sai nồng độ +/-2%, bình 10 lít vỏ thép, cylinder valve BS4, cả vỏ.	16176017	Bình	6	
31	Khí SO2 cho hiệu chuẩn span	Khí SO2 cho hiệu chuẩn span	Venmer/ Việt Nam	Khí hỗn hợp 2400 ppm SO2 + N2 balance, áp suất 120 bar, dung sai nồng độ +/-2%, bình 10 lít vỏ thép, van QF-21A, cả vỏ.	16176018	Bình	2	
32	Khí Hydro cho hiệu chuẩn HTA	Khí Hydro cho hiệu chuẩn HTA	Venmer/ Việt Nam	Khí hỗn hợp 1.8%H2 + Air balance, áp suất 120bar, dung sai nồng độ +/-2%, bình 8 lít nhôm, van QF21A, cả vỏ.	16176019	Bình	3	
33	Khí O2 cho hiệu chuẩn span	Khí O2 cho hiệu chuẩn span	Venmer/ Việt Nam	Khí hỗn hợp 2% O2 + N2 balance, áp suất 120bar, dung sai +/-2%, bình 40 lít vỏ thép, van PX32, cả vỏ.	16176020	Bình	4	